

CHÍNH TRỊ - LUẬT

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG VÀ CƠ CẤU CỦA CỤC TÌNH BÁO TRUNG ƯƠNG MỸ

Nguyễn Anh Hùng
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Nước Mỹ trở thành cường quốc hàng đầu thế giới phần nhiều là do có tiềm lực kinh tế và quân sự rất mạnh. Với lĩnh vực an ninh - quân sự, hệ thống tình báo rộng lớn, tổ chức quy mô và hoạt động khá hữu hiệu luôn được coi như công cụ quan trọng của chính quyền, trong đó vị thế nổi trội và vai trò đặc lực nhất thuộc về *Cục Tình báo Trung ương (CIA)*.

I. CIA trong cơ cấu hệ thống tình báo Mỹ

Toàn bộ các cơ quan tình báo Mỹ đặt dưới sự chỉ huy của Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI) hợp thành một tổ chức với tên gọi *Cộng đồng Tình báo (Intelligence Community - IC)*. Cộng đồng này được xác định bởi Sắc lệnh số 12333 của Tổng thống Mỹ Ronald Reagan ban hành năm 1981, bao gồm:

- Cục Tình báo Trung ương (CIA);
- Cục An ninh Quốc gia (NSA);
- Cục Tình báo Quốc phòng (DIA);
- Các cơ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng chuyên nghiên cứu tình báo;
- Các đơn vị tình báo của Lục quân, Hải quân, Không quân và Thủy quân lục chiến;
- Cơ quan Tình báo và Nghiên cứu (INR) của Bộ Ngoại giao;

- Cơ quan Tình báo của Cục Điều tra Liên bang (FBI);
- Các đơn vị tình báo của Bộ Tài chính (DOT);
- Các đơn vị tình báo của Bộ Năng lượng (DOE);
- Các đơn vị tình báo của Cục Phòng chống Ma túy (DEA);
- Các đơn vị tham mưu của Bộ Tham mưu Cộng đồng Tình báo.

Cộng đồng Tình báo liên quan chặt chẽ và chịu sự chỉ đạo của Tổng thống Mỹ - người nắm giữ hai cơ quan tư vấn chính về tình báo: *Ủy ban Cố vấn Tình báo Đối ngoại (FIAB)* thuộc về riêng Tổng thống, và *Ủy ban Tình báo cấp cao Liên cơ quan (SIGI)* thuộc Hội đồng An ninh Quốc gia (SNC). Ngoài ra, Tổng thống còn có một cơ quan chuyên giám sát các cơ quan tình báo, đó là *Ủy ban Giám sát Tình báo của Tổng thống (IOB)*.

Hội đồng Tình báo Đối ngoại Quốc gia (NFIC) là cơ quan tư vấn của Giám đốc Tình báo Trung ương. *Ủy ban Tình báo Đối ngoại Quốc gia (NFIB)* tập hợp các thành viên khác nhau trong Cộng đồng Tình báo và đảm nhận việc phân bổ những nhiệm vụ.

Ngày 1/4/1992, Giám đốc Tình báo Trung ương Robert Gates đã thông báo trước Quốc hội về "sự thay đổi cơ bản nhất trong hệ thống tình báo Mỹ

kể từ nhiều thập kỷ, đó là thay đổi về cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, các chương trình hoạt động và cách quản lý". Cuộc cải cách mà Gates nêu ra dựa vào những mục tiêu ưu tiên mới, gồm:

- Cộng đồng Các Quốc gia độc lập (SNG), những diễn biến trong chính sách đối nội và khả năng phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt của các nước này;

- Mối đe dọa của các loại vũ khí giết người hàng loạt ở những nước khác trên thế giới, nạn buôn lậu ma túy và chủ nghĩa khủng bố;

- Công nghệ, thương mại và tài chính thế giới;

- Môi trường, tài nguyên thiên nhiên và các vấn đề y tế.

Cơ cấu tổ chức mới của Cộng đồng Tình báo Mỹ ở đầu thế kỷ XXI thể hiện những nét cơ bản sau:

- Bãi bỏ Bộ Tham mưu Cộng đồng Tình báo và thay vào đó là Bộ Tham mưu Điều hành Cộng đồng. Cơ quan tham mưu mới này phải đẩy mạnh hơn các hoạt động về "kinh tế" cho tình báo Mỹ biểu hiện ở chức năng và những mục tiêu của nó.

- Thay đổi vị trí của Hội đồng Tình báo Quốc gia (NIC) - một tổ chức có trách nhiệm chuẩn bị tất cả các đánh giá tình báo quốc gia bên ngoài phạm vi của CIA - để tạo cho nó một vị trí độc lập trước những cơ quan của IC. NIC sẽ được tăng cường vai trò và quyền hạn của nó cũng được mở rộng. Hơn nữa, NIC cũng sẽ phải xác định được các "lỗ hổng" trong những hoạt động tình báo. Cơ quan này còn phải nghiên cứu các "kịch bản" dự phòng.

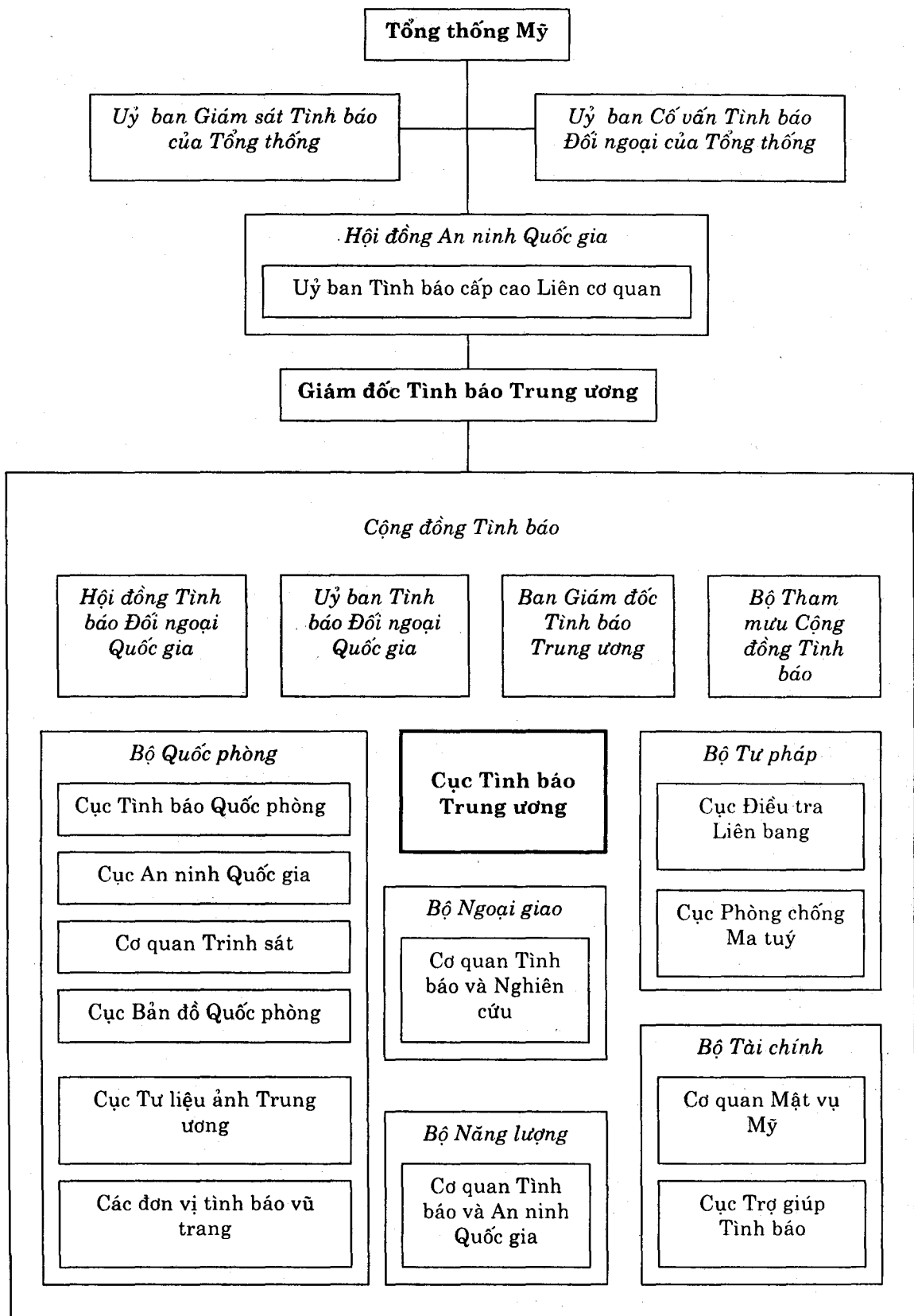
- Tăng cường phối hợp thu thập tin tức do Trung tâm quốc gia tiến hành tình báo bằng phương thức con người (HUMINT) - dưới quyền lãnh đạo của Phó Giám đốc Chỉ đạo Hoạt động (DDO) của CIA - thực hiện. Sự liên

ket và phân bố lại nhiệm vụ này nhằm mục đích nâng cao vị trí của HUMINT so với các phương tiện thu tin bằng kỹ thuật vốn có chi phí tốn kém gấp khoảng bảy lần mà vẫn không đáp ứng hết được những nhu cầu tình báo nảy sinh từ nhiều mối đe dọa mới (buôn lậu ma túy và vũ khí, tội phạm có tổ chức, nạn khủng bố...).

- Tăng cường hợp tác giữa CIA và Bộ Quốc phòng trong các vấn đề liên quan tới việc phân tích dữ liệu ảnh vệ tinh và hàng không (tình báo ảnh), được cụ thể hoá bằng việc thành lập Cơ quan ảnh Trung ương.

Trong Cộng đồng Tình báo Mỹ, CIA có vai trò quan trọng nhất. Nó là cơ quan tình báo chính của Mỹ phụ trách việc thu nhập tin tức bí mật từ nước ngoài, phản gián ở nước ngoài cũng như nghiên cứu và phát triển các hệ thống kỹ thuật để thu thập tình báo. CIA chịu trách nhiệm cung cấp thông tin tình báo trong các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, tiểu sử, khoa học và công nghệ. CIA cũng là cơ quan chính đảm trách việc thực thi các "hành động đặc biệt". CIA tuy không có tư cách hoạt động trên đất Mỹ nhưng phải phối hợp chặt chẽ với Cục Điều tra Liên bang (FBI) trong những vấn đề liên quan đến tình báo nội bộ. CIA chịu sự điều hành của Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI) và được đặt dưới quyền lãnh đạo của Tổng thống Mỹ.

CIA có quân số trên dưới 20.000 người với đại bản doanh đặt tại Langley (Virginia), vùng ven Washington DC. Ngân sách dành cho CIA luôn chiếm hơn 10% tổng số ngân sách tình báo Mỹ (những năm gần đây, ngân sách của CIA khoảng 3,2 - 4 tỷ USD mỗi năm). Theo Sắc lệnh số 12333, CIA là cơ quan đảm trách việc tiến hành các hoạt động đặc biệt vì lợi ích của Cộng đồng Tình báo và của nước Mỹ.



Sơ đồ Cộng đồng Tình báo Mỹ

II. Lịch sử CIA

Dù đã cung cấp những thông tin chính xác về cuộc tập kích của Nhật Bản, nhưng tổn thất của Mỹ ở Trân Châu Cảng ngày 7/12/1941 rõ ràng là thất bại đau đớn nhất trong lịch sử tình báo nước này. Cũng qua đó, người ta nhận ra những khiếm khuyết do thiếu sự phối hợp của các cơ quan tình báo quân đội. Điều ấy khiến Tổng thống Franklin D. Roosevelt phải uỷ nhiệm cho một luật sư ở New York là William J. Donovan thành lập cơ quan tình báo tập trung. Và theo Sắc lệnh số 9182 của Tổng thống, *Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS)* - tiền thân của CIA - được thành lập ngày 13/6/1942. OSS đảm trách tập hợp những thông tin cần thiết qua các trung tâm tình báo và tiến hành những hoạt động bí mật qua các bộ phận khác. Donovan được chỉ định làm Giám đốc OSS ngày 11/7/1942 và đóng vai "dân sự" cho tới lúc được phong thiếu tướng (tướng một sao) ngày 2/4/1943.

Tuy là tổ chức cung cấp tin tình báo chiến lược chính cho các cơ quan ra quyết định chính trị và cho Bộ Chỉ huy Tối cao của quân Đồng minh, nhưng OSS chưa bao giờ được công nhận về mặt pháp lý trong các hoạt động tình báo chung của Mỹ. Từ những năm 1930, FBI chịu trách nhiệm về những hoạt động tình báo ở Mỹ Latinh, còn các cơ quan tình báo quân đội vẫn bám giữ mọi địa bàn hoạt động của họ. Cuối năm 1944, Donovan - mới được chính thức thăng chức thiếu tướng - đề nghị Tổng thống Roosevelt tách OSS khỏi Bộ Tham mưu Liên quân (Joint Chiefs of Staff) và đặt nó dưới quyền phụ trách trực tiếp của Tổng thống. Donovan cho rằng nên "thành lập một cơ quan cung

cấp những tin tức tình báo theo phương thức công khai và bí mật, điều khiển những hành động tình báo, xác định các quốc gia đối tượng tình báo và xử lý các tin tức tình báo thu được từ tất cả các cơ quan của chính phủ". Đó là cơ quan phối hợp một cách tập trung toàn bộ các hoạt động tình báo. Cơ quan này cũng dự định có thể tiến hành "nhiều hoạt động lật đổ ở nước ngoài", nhưng không có vai trò gì trong an ninh nội địa.

Bằng Sắc lệnh số 9621 ban hành ngày 20/9/1945, Tổng thống Harry S. Truman giải tán OSS từ ngày 1/10/1945 và mọi bộ phận của nó bị phân bổ về những cơ quan liên bang khác nhau. Bộ phận phản gián (X-2) và các ban đặc biệt được sáp nhập vào Bộ Chiến tranh (từ năm 1947, Mỹ mới có Bộ Quốc phòng) với tên gọi "Các Đơn vị Đặc biệt" (SSU), còn bộ phận nghiên cứu và phân tích được chuyển về Bộ Ngoại giao và từ năm 1946 trở thành Cơ quan Tình báo và Nghiên cứu (IRN) trực thuộc Bộ này. Ngày 22/1/1946, OSS được thay thế bởi Hội đồng Tình báo Trung ương (CIG), cho dù FBI cùng quân đội kịch liệt phản đối vì bị mất nhiều quyền hành trong lĩnh vực tình báo chiến lược và các hoạt động bí mật. Đặt trụ sở ở 2430 East Street - Washington DC, CIG đảm trách phối hợp toàn bộ mọi hoạt động của Ủy ban Tình báo Quốc gia (NIA). NIA gồm các đại diện của Tổng thống, Ngoại trưởng, Bộ trưởng Chiến tranh và Hải quân. Chuẩn đô đốc Sydney W. Souers - nguyên trợ lý của Giám đốc Tình báo Hải quân - được bổ nhiệm làm Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI).

Sáu tháng sau, Souers bị thay thế bởi Trung tướng Hoyt S. Vandenberg (cháu của Thượng Nghị sỹ danh tiếng Arthur Vandenberg). Lập tức Hoyt

tuyển 300 nhân viên mới và nhận quyền thu thập tin tình báo ở Mỹ Latinh mà thời ấy vốn thuộc đặc quyền của FBI. Tháng 8/1946 Vanderberg nhận quyền kiểm soát hệ thống thu thập tin của OSS trước đây là các đơn vị đặc nhiệm. SSU khi đó gồm 1000 cộng tác viên với 600 đang làm việc ở nước ngoài. Cơ quan tổ chức những hoạt động tình báo là "Ban Hành động" (OO) và Trung tâm Thông tin phát bằng Tiếng nước ngoài (FBIS) cũng sáp nhập vào CIG, nâng số nhân viên của cơ quan này lên 2000 người.

Sắc lệnh về an ninh quốc gia ban hành ngày 18/9/1947 lập ra Hội đồng An ninh Quốc gia (NSC) và *thay thế CIG bằng CIA*. Đến ngày 20/6/1949, Quốc hội thông qua *Luật về CIA*, xác định điều lệ và các thủ tục hành chính liên quan đến CIA. Luật này quy định rõ CIA được miễn, không phải công bố về "tổ chức, chức năng, nhân sự, chức danh, tiền lương, và số lượng nhân viên" của mình.

Được bổ nhiệm làm Giám đốc năm 1950, Tướng Walter Bedell Smith đã tổ chức CIA giống như cơ cấu hiện nay. Năm 1952, Cơ quan phụ trách Những hoạt động đặc biệt (OSO) được sáp nhập vào Ban Chỉ đạo Các kế hoạch.

Ngày 4/8/1955, Tổng thống Dwight D. Eisenhower ký lệnh chi 46 triệu USD cho việc xây dựng đại bản doanh của CIA tại Langley, Virginia. Trụ sở này đi vào hoạt động năm 1961.

Từ đầu những năm 1970, CIA nổi lên giữ vị trí đặc biệt. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, CIA bảo trợ nhiều chiến dịch với các mục tiêu được tranh luận gay gắt (ví dụ như chiến dịch "Phượng hoàng"), rồi đến việc đạo diễn, giúp viên tướng độc tài

Augusto Pinochet lật đổ Tổng thống dân chủ Chile là Salvador Allende...

Năm 1973, Giám đốc James R. Schlesinger tiến hành cải tổ CIA nhằm thích ứng tốt hơn trước xu thế hoà dịu quốc tế và đã cho thôi việc tới 1200 nhân viên của cơ quan này. Tiếp theo vụ bê bối Watergate và vấn đề Chile, sức ép của dư luận công chúng và sức ép chính trị lên CIA là rất mạnh. Năm 1975, Quốc hội buộc phải lập một uỷ ban kiểm tra về hoạt động của hệ thống tình báo.

Trung tuần tháng 8/1978, CIA khẳng định với Tổng thống Jimmy Carter rằng "Iran không ở trong trạng thái cách mạng và chuẩn bị cách mạng", nhưng thực tế thì ngược hẳn. Do vậy, Tổng thống xem xét lại vấn đề về chiến lược của CIA và điểm yếu của nó trong lĩnh vực nhân sự. Điều này dẫn tới việc "thanh lọc" do Giám đốc Stanfield Turner thực thi. Turner đã loại bỏ 700 nhân viên của bộ phận điều hành các hoạt động với một chương trình quy mô mang cái tên ẩn tượng "Cuộc tàn sát Halloween".

Được Tổng thống Reagan bổ nhiệm giữ chức Giám đốc CIA từ đầu năm 1981, William J. Casey tìm cách củng cố vai trò của CIA trong việc ra những quyết định và khôi phục lại phần lớn các bộ phận từng bị Schlesinger và Turner giải thể. Bằng ảnh hưởng của Casey, những hoạt động bí mật được tăng cường đi đôi với việc tăng cường chức năng khai thác của CIA. Do đó, trong khi dưới thời Tổng thống Carter chỉ có từ 2 đến 3 hoạt động bí mật chính của CIA được công bố trước Uỷ ban Tình báo Hạ viện, thì trong nửa đầu nhiệm kỳ thứ nhất của Tổng thống Reagan, con số ấy là từ 12 đến 14. Dưới thời Carter, CIA chỉ công bố chừng 12 bản dự báo tình báo mỗi

năm, thì sang thời Reagan con số ấy tăng lên 50 bản mỗi năm.

Việc chỉ định Robert Gates làm Giám đốc CIA được coi là mất thời gian nhất trong việc chọn người vào chức vụ này kể từ năm 1947. Tháng 5/1991, Tổng thống George H. Bush đề cử Gates nhưng mãi đến tháng 11/1991, Quốc hội mới chuẩn y vì muốn làm rõ vai trò của Gates trong vụ Irangate.

Tháng 12/1992, Tổng thống Bill Clinton bổ nhiệm James R. Woolsey làm Giám đốc CIA. Nhưng vụ Aldrich Ames (vụ CIA bị nhân viên quan trọng của mình phản bội, bán nhiều thông tin tuyệt mật cho Nga) với những lời chỉ trích gay gắt đã buộc Woolsey xin từ chức vào tháng 12/1994.

Để thay thế Woolsey, Clinton đã chọn Trung tướng Michael P.C. Carns hồi tháng 2/1995. Nhưng Carns đã rút lui vì một lý do thiếu sức thuyết phục - ông đang bị người làm thuê cũ kiện. Clinton đành bổ nhiệm John M. Deutch làm Giám đốc CIA từ tháng 5/1995.

Cuối năm 1997, George J. Tenet được Clinton chọn thay thế Deutch. Tenet có thành tích tái tạo tinh thần mạnh mẽ và thu hút thêm tài lực cho CIA, chặn lại xu hướng cắt giảm ngân sách sau Chiến tranh lạnh và sau vụ bê bối Aldrich Ames. Tiếp quản quyền lực Clinton đầu năm 2001, Tổng thống đương nhiệm George W. Bush cũng mong muốn và bổ nhiệm Tenet làm Giám đốc CIA. Cương vị đó vẫn do Tenet nắm giữ dù có một số ảnh hưởng bất lợi sau vụ khủng bố ngày 11/9/2001, cuộc tham chiến của Mỹ tại Afghanistan (từ cuối năm 2001) và Iraq (đầu năm 2003). Nhưng đầu tháng 6/2004, Tenet bất ngờ đệ đơn từ chức vì những lý do cá nhân và gia

đình, ngay trước khi Ủy ban Điều tra vụ khủng bố 11/9 đưa ra bản báo cáo tổng kết vào đầu tháng 7/2004 (Ủy ban này chỉ trích các cơ quan tình báo - gồm cả CIA - đã không phát hiện được âm mưu không tặc và kiến nghị phải cải tổ mạnh ngành tình báo). Tổng thống Bush chấp nhận đơn từ chức và đề cử Porter Goss - hiện 65 tuổi, từng 10 năm phục vụ cho tình báo lục quân và CIA, làm Hạ nghị sĩ Bang Florida và thuộc Đảng Cộng hòa từ năm 1989 - thay thế. Ngày 22/9/2004, với tỷ lệ phiếu ủng hộ là 77/11, Thượng viện Mỹ chính thức phê chuẩn việc đề cử Goss làm tân Giám đốc CIA.

III. Cơ cấu tổ chức của CIA

CIA chịu sự điều hành của Giám đốc Tình báo Trung ương (DCI). Giám đốc Tình báo Trung ương lại là cố vấn chính cho Tổng thống về tình báo, được Tổng thống lựa chọn, đề cử, bổ nhiệm với sự chấp thuận của Thượng viện. Ông vừa là Giám đốc Cộng đồng Tình báo, vừa là Giám đốc CIA, đảm trách tình báo theo luật pháp cùng những sắc lệnh của Tổng thống và Hội đồng An ninh Quốc gia.

Trực thuộc Giám đốc Tình báo Trung ương là Hội đồng Tình báo Quốc gia (NIC) được thành lập năm 1980. Nó tập hợp 12 cơ quan tình báo quốc gia (NIO), chịu trách nhiệm soạn thảo những báo cáo, các nghiên cứu đặc biệt trình DCI và các quan chức của Mỹ. Cơ quan thứ 12 vốn được Clinton thành lập bổ sung vào tháng 5/1993 mang tên Phòng Nghiên cứu và Phân tích Các vấn đề toàn cầu là cơ quan có nhiệm vụ xem xét, phân tích, nghiên cứu những vấn đề gây chú ý trên toàn thế giới như cứu trợ nhân đạo, xây dựng nền dân chủ, phong trào tị nạn, bảo vệ môi trường,

chống khủng bố... Như vậy, số lượng cơ quan tình báo quốc gia là 12, bao gồm 6 cơ quan phụ trách khu vực địa lý và 6 cơ quan phụ trách các yếu tố cơ bản trong tình báo. Còn NIC chính là nơi giám sát và phối hợp làm ra những báo cáo nhận xét về tình báo quốc gia và đánh giá đặc biệt về tình báo quốc gia. Để có được các tài liệu ấy, NIC phải huy động cả những chuyên gia thuộc giới nghiên cứu, khoa học, chính trị... - những người vốn không nhất thiết phải là thành viên của Cộng đồng Tình báo.

Trong những hoạt động cơ bản, CIA có 4 ban, mỗi ban do một phó giám đốc điều hành:

1. Ban Hoạt động (Directorate of Operations - DO)

Ban này phụ trách công việc thu thập tin tức và thực thi các hoạt động bí mật. Ra đời từ tháng 3/1973 (trước đó - từ tháng 8/1952 đến tháng 3/1973 - cơ quan này có tên là Ban Kế hoạch), quân số của nó được dự tính vào khoảng 4000-5000 nhân viên thường trực.

DO đảm nhận việc tuyển chọn, đào tạo và quản lý những nhân viên tình báo đang hoạt động ở nước ngoài. Hơn nữa, Ban này còn lập kế hoạch, chuẩn bị và đôi khi chỉ đạo các hoạt động bí mật. DO có nhiều đơn vị đặc biệt để thực hiện những nhiệm vụ trên. Các hoạt động đặc biệt thường xuất phát từ Nhà Trắng hoặc Chính phủ, chứ ít khi do CIA khởi xướng và chúng chiếm khoảng 10% ngân sách của DO. Bộ Tham mưu của DO (còn gọi là "Ban D.") phụ trách những trạm nghe điện thoại và các trạm viễn thông khác.

Từ năm 1989, mối đe dọa từ các quốc gia trong khối Hiệp ước Varsava

giảm hẳn đi, CIA tập trung vào việc thu thập tin tức tình báo bằng con người (Humint) hiệu quả hơn và ít tốn kém hơn thu thập tin bằng phương tiện kỹ thuật. Cũng nhờ đó, ngân sách của DO tăng đáng kể nhằm tăng cường cho những hoạt động thu thập tin tức kiểu này.

Năm 1994, Phòng về Các vấn đề Quân sự (OMA) được thành lập với nhiệm vụ là đảm bảo mối liên hệ với các lực lượng quân sự, vừa nhằm xác định được những nhu cầu của các lực lượng đó vừa để đảm bảo truyền tin tức tình báo của CIA tới các lực lượng quân sự Mỹ. Việc thành lập OMA dựa trên những bài học rút ra từ Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991.

2. Ban Khoa học và Công nghệ (Directorate of Science and Technology - DS&T)

Được thành lập từ năm 1962, từng với cái tên "Ban Nghiên cứu", DS&T có nhiệm vụ thu thập tin tức tình báo bằng phương tiện kỹ thuật và phối hợp chặt chẽ với Phòng Do thám Quốc gia (NRO) và các cơ quan đặc biệt khác của quân đội. Trung tâm Thông tin phát bằng Tiếng nước ngoài (FBIS) xử lý những thông tin truyền đi từ các trạm phát thanh đại chúng.

DS&T hợp tác tích cực với các viện hàn lâm và những "nhóm chuyên gia cố vấn", trong đó có Rand Corporation - Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế thuộc Viện Công nghệ Massachusetts do CIA thành lập, và Viện Công nghệ Rochester chuyên về lĩnh vực ảnh kỹ thuật. DS & T cũng hợp tác nhiều với Cục An ninh Quốc gia (NSA) về tình báo điện tử và cung cấp nhân sự để khai thác các trạm nghe trộm ở Trung Quốc.

Trong DS&T, có Phòng Dịch vụ Kỹ thuật (OTS) đảm trách việc hỗ trợ kỹ thuật cho các ban khác thuộc CIA. Còn Trung tâm Thể hiện bằng ảnh quốc gia (NPIC) lãnh nhiệm vụ xử lý và truyền những tài liệu do vệ tinh do thám cung cấp cho toàn bộ Cộng đồng Tình báo. Trong tiến trình hoạt động, NPIC hợp tác chặt chẽ với Phòng ảnh Trung ương.

3. Ban Tình báo (Directorate of Intelligence - DI)

Từng được biết đến trong những năm 1978 - 1981 với tên gọi là Trung tâm quốc gia về Phân tích Đối ngoại, DI có nhiệm vụ xử lý và truyền đi các tin tức tình báo. Cơ quan này phát triển mạnh dưới sự lãnh đạo của Casey. Nó được chia nhỏ thành những phòng khu vực, toàn cầu và các phòng chức năng.

Ngoài ra, DI còn bao gồm một số bộ phận vừa mới được thành lập, hoạt động theo sự biến chuyển tình hình quốc tế. Đó là Cơ quan tình báo về Kiểm tra vũ khí (có nhiệm vụ đánh giá những hiệp định, hiệp ước giải trừ và kiểm soát vũ khí) và Cơ quan tình báo Hỗ trợ đặc biệt về Phổ biến hạt nhân (có nhiệm vụ giám sát việc phổ biến vũ khí và nguyên liệu hạt nhân, hợp tác chặt chẽ với Bộ Năng lượng).

4. Ban Hành chính (Directorate of Administration - DA)

DA đảm trách về hoạt động của CIA, có nhiệm vụ tuyển chọn nhân sự "chính thức" của CIA (những nhà phân tích, nhân viên kỹ thuật...). Ngoài ra, DA còn đảm bảo hoạt động của các cơ sở và an ninh nội bộ của CIA.

IV. Hướng phát triển gần đây của CIA

Sau khi bị chỉ trích qua vụ Irangate, tình báo Mỹ bị coi là yếu

kém trong Chiến tranh vùng Vịnh năm 1991, cộng với sự sụp đổ của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu, đã làm thay đổi những ưu tiên mang tính chiến lược của Mỹ và dẫn tới cải tổ các cơ quan tình báo Mỹ. CIA là cơ quan tình báo quan trọng nhất nên cũng thay đổi đáng kể.

Năm 1991, sau những biến động tại châu Âu, Giám đốc CIA Gates đã tiến hành cải tổ cơ cấu theo hướng những ưu tiên chiến lược mới của Mỹ, đặc biệt là giảm tới 15% nhân viên trong giai đoạn 1992 - 1998. Chủ trương cải tổ lớn bao gồm việc giảm những hoạt động gián điệp ở nước ngoài (nhất là bằng phương tiện kỹ thuật) và tập trung vào một số lĩnh vực mới: buôn lậu ma túy, phổ biến hạt nhân và các loại vũ khí...

Sự cải tổ này được khởi đầu từ tháng 5/1989 với việc thành lập Trung tâm Chống buôn lậu ma túy, bao gồm 200 nhân viên và các nhà phân tích nhằm mục đích đấu tranh chống ma túy vốn được coi như một "cuộc chiến ở cường độ thấp". Sau đó, Trung tâm Không phổ biến hạt nhân cũng được thành lập năm 1993 do Gordon Oehler lãnh đạo, có nhiệm vụ đánh giá những vấn đề về phổ biến hoá học, hạt nhân, vũ khí...

Sau sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu, CIA đã giải thể Phòng Phân tích Liên Xô (SOVA) và cơ quan thay thế nó từ ngày 6/1/1992 là Phòng Phân tích Slav và Á - Âu (OSE). Đầu năm 1992, khoảng 15-25% số chuyên gia phân tích về những vấn đề quân sự Liên Xô đã được chuyển sang công việc phân tích những sự kiện tại các nước cộng hoà SNG hoặc các vấn đề phổ biến hạt nhân ở các nước thế giới thứ ba. Đồng thời, sự nghiên cứu cũng được chuyển sang một lĩnh vực mới là các mối đe

doạ mới xuất hiện mang tính chiến lược với việc thành lập “Lực lượng Đặc nhiệm về Môi trường” trực thuộc DCI bao gồm 50 nhà khoa học có nhiệm vụ phân tích các mối đe dọa xuất hiện do những thay đổi môi trường.

Kết quả cải tổ của CIA còn có tới 40% nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực kinh tế.

Một cơ quan khác có tên “Lực lượng Đặc nhiệm về vấn đề Công khai hoá” với nhiệm vụ nghiên cứu khả năng công bố các tài liệu không liên quan đến an ninh quốc gia Mỹ cũng được thành lập vào đầu những năm 1990. Sự mở cửa này chủ yếu dành cho những nhà nghiên cứu, sử gia và cả cho công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt bằng việc công bố các hình ảnh do vệ tinh, máy bay SR-71 hoặc U-2R (TR-1) chụp được. Tháng 10/1993, CIA đã đưa ra công khai 150.000 trang tài liệu liên quan tới vụ ám sát Tổng thống John F. Kennedy và đã chuyển 277 bản báo cáo đánh giá tình báo quốc gia cho Cục Lưu trữ Quốc gia.

Ngoài ra, năm 1993, Trung tâm Nghiên cứu về Tình báo (CSI) cũng được thành lập và do David Gries lãnh đạo, nằm dưới quyền của Giám đốc Điều hành CIA. CSI hợp tác với rất nhiều viện nghiên cứu và trường đại học.

Ngày 1/4/1992, Giám đốc CIA Gates đã điều trần trước Quốc hội về “sự thay đổi lớn nhất trong Cộng đồng Tình báo Mỹ kể từ nhiều thập kỷ nay liên quan tới cơ cấu, quá trình hoạt động, chương trình hành động và việc quản lý”. Sự cải tổ này gồm những phần chính sau:

1. Nâng cao chất lượng các sản phẩm và phân tích bằng cách:

- Có nhiều cuộc thảo luận hơn;
- Tự do hơn trong hoạt động ở cơ sở để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của “khách hàng”;

- Có nhiều cuộc trao đổi hơn giữa CIA với các cơ quan chính trị;

- Cải tổ những cơ sở cung cấp thông tin và nghiên cứu của CIA;

- Sự đánh giá phân tích phải khách quan, phi chính trị hoá hơn;

- Khuyến khích các cuộc thảo luận ở cấp dưới;

- Cần đưa những quan điểm trái ngược nhau vào trong các báo cáo phân tích;

- Có sự ngăn cách nhiều hơn giữa nhân viên hoạt động mật với nhân viên phân tích;

- Có sự trao đổi nhiều hơn giữa “những người chỉ đạo” với những người phân tích;

- Tăng cường những phương tiện truyền tin hiện đại và nhanh chóng đến các cơ quan chính trị;

- Thành lập một “Văn phòng về Các vấn đề Quân sự” nhằm cải thiện sự hợp tác với những cơ quan tình báo quốc phòng;

2. Cải tiến các phương tiện thu tin tình báo bí mật bằng con người (HUMINT).

3. Tăng cường quản lý thông tin, chống rò rỉ thông tin, tạo điều kiện thông tin trong nội bộ CIA.

4. Cải tiến việc trao đổi với công luận, giới báo chí và các trường đại học, kể cả việc công bố những tài liệu cho các nhà nghiên cứu.

Mặc dù có những cải tổ trên và thêm nhiều “bổ sung bất ngờ” sau vụ khủng bố ngày 11/9/2001, nhưng sự tồn tại cơ cấu hiện nay của CIA vẫn là chủ đề tranh cãi của chính giới Mỹ. Việc sáp nhập dần các hệ thống tình báo cũng như sự phát triển của các cơ quan tình báo nhà nước và tư nhân đã đặt ra vấn đề đối với việc duy trì một tổ chức tình báo là rất tốn kém. Trong khi chờ quyết định về chính sự tồn tại hoặc thay đổi lớn của mình, CIA

đã tiến hành giảm bớt số nhân viên. Năm 1995, số nhân viên của CIA có khoảng 18.000 người và đã giảm 23% trong khoảng thời gian 1995-1999, nhưng lại tăng vọt lên trên 20.000 người từ cuối năm 2001 do tham gia những chương trình chống khủng bố khá quy mô.

V. Những tài liệu xuất bản chính của CIA

1. Bản tin hàng ngày của Tổng thống (PDB)

PDB là tài liệu xuất bản hàng ngày quan trọng nhất của CIA. Vào những buổi sáng sớm mỗi ngày, tài liệu này được gửi đến Tổng thống, Phó Tổng thống, Bộ trưởng Quốc phòng, Quốc vụ khanh và Trợ lý Đặc biệt của Tổng thống (người chỉ đạo Ban Tham mưu của Hội đồng An ninh Quốc gia). Được xếp vào loại tuyệt mật, nó đề cập và giải quyết những vấn đề lớn, nhạy cảm nổi lên trong 24 giờ qua trên thế giới. Hồi mới xuất bản, PDB khá công kênh nên Tổng thống Carter đã giảm bớt số lượng xuống còn 15 trang.

2. Bản tin tình báo quốc gia (NID)

NID là một tài liệu tương tự như PDB, xuất bản hàng ngày và cũng được xếp vào loại tuyệt mật nhưng được chọn lọc từ các tài liệu mang tính nhạy cảm nhất của PDB. Nó được in tới 500 bản mà phần lớn là được lưu hành trong nội bộ CIA.

Tháng 1/1976, NID được gửi cho các uỷ ban của Quốc hội Mỹ phụ trách cơ quan tình báo (SSCI và HPSCI). Sau đó, Giám đốc mới của CIA William Colby đã quyết định không gửi cho các uỷ ban này nữa. Tuy nhiên, trước sự phản đối gay gắt của Quốc hội, CIA buộc phải trở lại quyết định ban đầu.

3. Báo cáo về tình hình tình báo quốc gia (NISR)

NISR chỉ được xuất bản khi có các cuộc khủng hoảng đặc biệt. NISR xuất bản ít hay nhiều trong một cuộc khủng hoảng tùy theo diễn biến của tình hình. Những báo cáo này được soạn thảo bởi các chuyên gia từ các cơ quan khác nhau thuộc Cộng đồng Tình báo dưới sự chỉ đạo của Giám đốc CIA hoặc một sỹ quan tình báo quốc gia (NIO)

4. Các báo cáo khác

Xuất bản không đều và được phân loại vào những tài liệu có liên quan đến các vấn đề đặc biệt về chính trị, kinh tế, quân sự và công nghệ. Một số bài được công bố cho công luận và phải có sự đảm bảo của ban quản lý, kiểm tra tài liệu thuộc Phòng in ấn của Chính phủ Mỹ tại Washington DC, chẳng hạn như: “Sách sự kiện thế giới”(xuất bản hàng năm, mô tả tình hình các nước trên thế giới), “Những nguyên thủ và thành viên nội các chính phủ nước ngoài”, “Các hoạt động giữ gìn hoà bình toàn cầu năm 2003”...

Ngoài ra, Trung tâm Nghiên cứu Tình báo (CSI) xuất bản hàng tháng có chọn lọc danh mục các bài báo công bố công khai đã được xử lý bằng phương pháp tình báo, cho các nhà nghiên cứu.

VI. Một số thành công và thất bại lớn của CIA

Trong 57 năm qua, CIA đã trải qua nhiều thăng trầm do kết quả các hoạt động thành công hay thất bại. Thành công mang tính chiến lược lớn nhất của CIA là đã thông báo khá đầy đủ về cuộc tấn công của Israel vào Lebanon năm 1982 (Chiến dịch “Hoà bình Gallilee”).

Còn thành công chính trị lớn nhất có lẽ là dự đoán được việc Youri Andropov thay Leonid Breznev làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô.

Nhưng CIA cũng có những thất bại nghiêm trọng. Trong số đó phải kể đến việc đánh giá sai tình hình Iran năm 1978 và thông báo sai hoàn toàn về cuộc cách mạng ở Iran, khiến cuộc Cách mạng Hồi giáo Iran “bất ngờ” nổ ra mạnh mẽ năm 1979, gặp rất ít trở ngại và lật nhào được chế độ thân Mỹ. Việc Konstantin Tchernenko lên thay Youri Andropov năm 1983 làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô cũng không được dự báo. Còn các hoạt động bí mật không kịp thời và bất cẩn ở Nicaragua giữa thập niên 1980 (gài mìn ở cảng, cung cấp vũ khí cho lực lượng phiến quân...) đã phải trả giá bằng việc Quốc hội tăng cường sự kiểm soát đối với những cơ quan tình báo Mỹ. Thảm bại nhất là vụ khủng bố 11/9/2001: CIA đã nhận được một số thông tin trong nước và từ Cơ quan Tình báo Israel (Mossad) về vụ khủng bố từ trước ngày 11/9, nhưng lại cho đó là thông tin không đáng tin cậy nên đã bỏ qua, không cảnh báo Chính phủ Mỹ đề phòng, khiến vụ khủng bố của Al-Qaeda ập xuống và “thành công” mỹ mãn!

Tài liệu tham khảo:

1. Jeffrey Richelson, *The U.S. Intelligence Community*, Ballinger Publ. Co., Cambridge, 1992.
2. Ronald Kessler, *Inside the CIA*, Nonfiction, Washington, 1995.
3. Ernest W. Lefever & Roy Godson, *The CIA and the American Ethic: An Unfinished Debate*, Ethics and Public Policy Center/ Georgetown Univer, Washington, 1997.
4. John Spanier, *Game Nations Play*, Congressional Quarterly Inc, Washington, 1998.
5. Donald M. Snow, *National Security: Enduring Problem of U.S Defense Policy*, St Martin's Press Inc, 2002.
6. Scott D. Breckinridge, *CIA và Chiến tranh lạnh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
7. Bob Woodward, *CIA - Những cuộc chiến thâm lặng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
8. John D. Marks & Victor Marchetti, *CIA và bệnh sùng bái tình báo*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2001.
9. Ngô Thị Kim Doan (biên soạn), *CIA - Những điều còn ít biết*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2003.
10. Các thông tin liên quan đến CIA trên internet qua các website: www.odci.gov/cia/, www.odci.gov/ici, www.whitehouse.gov/, www.nara.gov/, www.dreamscape.com/frankwad/covert.html.